

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững”, dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: Số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 về việc ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông: Số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016; số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 về việc ban hành khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; số 671/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2024 về ban hành hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ;

Căn cứ Công văn số 3617/LĐTBOXH-VL ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Tiểu dự án “Hỗ trợ việc làm bền vững” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 sử dụng vốn đầu tư phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0;

Căn cứ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4754/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững” thuộc dự án 4, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định số 4367/HĐTD-TĐDA ngày 02/7/2024 của Hội đồng thẩm định về việc báo cáo thẩm định Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững” thuộc dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (lần 3); của Trung tâm dịch vụ việc làm tại Tờ trình số 271/TTr-TTĐVVL và Văn bản số 270/BC-TTĐVVL ngày 19/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững”, dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững”, dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa.

4. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Sake.

5. Mục tiêu đầu tư: Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, hỗ trợ tối đa công tác quản lý nghiệp vụ trung tâm dịch vụ việc làm; đặc biệt trong công tác thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin việc làm của người lao động và doanh nghiệp trong giao dịch việc làm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6. Quy mô, nội dung đầu tư

Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa và sàn giao dịch việc làm tại 06 Văn phòng thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa đặt tại các huyện: Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Nông Cống, Vĩnh Lộc, Hà Trung và thị xã Nghi Sơn, gồm:

- Màn hình ghép (ghép 9 màn hình; bộ điều khiển hiển thị; khung chịu lực; phụ kiện lắp đặt và hệ thống lưu điện cho màn hình ghép).
- Hệ thống camera giám sát: Các thiết bị camera giám sát, màn hình, đầu ghi, ổ cứng và phần mềm Camera, switch, phần mềm giám sát camera.
- Hệ thống Camera hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu Trung tâm dịch vụ việc làm và 06 Văn phòng tại các huyện.
- Hệ thống wifi miễn phí toàn bộ Trung tâm dịch vụ việc làm phục vụ người lao động.
- Hệ thống xếp hàng tự động: Ki-ốt (kiosk) lấy số kèm theo máy in, màn hình ti vi, màn hình hiển thị số tại quầy, hệ thống âm thanh biến điệu gọi số và phần mềm quản lý gọi số tự động.
- Máy tính và thiết bị văn phòng: Máy tính để bàn, lưu điện máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chiếu và màn chiếu, phòng học thông minh (màn hình tương tác và bảng trượt), bộ lưu điện cho thiết bị mạng và kết nối, máy in, máy in đa năng, máy photocopy, hệ thống âm thanh hội thảo, hệ thống ánh sáng, điều hòa, màn hình hiển thị, ghế chờ, tủ sắt, bàn ghế làm việc, quạt trần và các thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ của Trung tâm dịch vụ việc làm.
- Hệ thống màn hình hiển thị thông tin: Màn hình hiển thị tình hình tổng hợp, màn hình hiển thị cảm ứng cỡ lớn.
- Hệ thống phần mềm quản lý lao động việc làm tỉnh Thanh Hóa, Cổng Thông tin dịch vụ việc làm.
- Triển khai hệ thống mạng kết nối hệ thống các thiết bị.

(Chi tiết có Phụ biểu số 1 kèm theo).

7. Thiết kế cơ sở của dự án: Theo Văn bản số 1291/BC-STTTT ngày 04/6/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Số bước thiết kế: 02 bước.

9. Địa điểm đầu tư: Tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa và 06 Văn phòng thuộc Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh Hóa đặt tại các huyện: Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Nông Cống, Vĩnh Lộc, Hà Trung và thị xã Nghi Sơn.

10. Tổng mức đầu tư:**27.017 triệu đồng;***Trong đó:*

- Chi phí thiết bị và xây dựng phần mềm: 23.427 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 442 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư: 1.140 triệu đồng;
- Chi phí khác: 721 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.287 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ biểu số 2 kèm theo).

11. Nguồn vốn: Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: 02 năm (năm 2024 - 2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Yêu cầu chủ đầu tư (Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa) có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; trong đó việc phê duyệt thiết kế, dự toán phải đảm bảo tuân thủ định mức sử dụng và quy định hiện hành của pháp luật, không được để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong đầu tư; đồng thời, thực hiện Báo cáo định kỳ giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định và các nội dung liên quan khác theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đào Thanh Tùng ;
- Các thành viên Hội đồng thẩm định (theo Quyết định số 4754/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh) ;
- Lưu: VT, VXLĐVL75

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Thanh Tùng

PHỤ BIỂU SỐ 1: DANH MỤC THIẾT BỊ

**Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm
tại Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền
vững” thuộc dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”,
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Màn hình + thiết bị đồng bộ đi kèm	Cái	9	Màn hình ghép
2	Tivi 65 inch	Cái	9	
3	Màn hình tivi 98 inch + giá treo và thiết bị đi kèm	Cái	2	
4	Tivi 55 inch QLED	Cái	1	
5	Tivi 43 inch	Cái	1	
6	Tivi 75 inch	Cái	1	
7	Máy tính để bàn	Bộ	81	
8	Máy tính xách tay	Cái	32	
9	Máy tính dùng dựng video	Cái	1	
10	Máy photocopy	Cái	3	
11	Máy in	Cái	32	
12	Máy scan	Cái	5	
13	Máy scan và đọc CCCD	Cái	2	
14	Máy chiếu	Cái	3	
15	Màn chiếu	Cái	3	
16	Máy quét mã QR	Cái	11	
17	Máy hút âm	Cái	1	
18	Máy đóng chứng từ	Cái	3	
19	Máy hủy tài liệu	Cái	2	
20	Điều hòa các loại	Cái	56	
21	Quạt công nghiệp sải 750	Cái	8	
22	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	41	
23	Tủ hồ sơ thấp	Cái	4	
24	Tủ tài liệu 3 buồng sử dụng MFC phủ melamine.	Cái	2	
25	Tủ cung cấp thông tin việc làm	Cái	6	
26	Cây lọc nước nóng lạnh	Cái	2	
27	Ghế ngồi, ghế học viên		178	
28	Bàn học, bàn họp, bàn làm việc, bàn máy vi tính, bàn giáo viên, bàn ghế học viên	Cái	174	
29	Vách ngăn	m	22,04	
30	Rèm hội trường + thiết bị lắp đặt	m	14,16	
31	Óp sân khấu gỗ tự nhiên	m2	55,8	
32	Chân tường gỗ tự nhiên	m	11,6	
33	Đèn Led panel	Cái	71	
34	Quạt trần	Cái	47	
35	Bục phát biểu	Cái	1	

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
36	Bục tượng bác	Cái	1	
37	Trượng bác hồ	Cái	1	
38	Bục lớp học	Bộ	4	
39	Thiết bị hội nghị truyền hình	Bộ	1	
40	License cho cuộc họp đa điểm	License	10	
41	Máy chủ điều khiển, quản lý (bao gồm phần mềm lưu trữ)	Cái	1	
42	Bảng led cổng chào "TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM THANH HÓA"	m2	4,91	
43	Rèm cầu vồng cho cửa sổ	Bộ	16	
44	Webcam hội nghị	Cái	6	
45	Dây HDMI 30m	Cái	6	
46	Loa kéo di động	Cái	1	
47	Quầy hướng dẫn và đón tiếp người lao động	Cái	1	
48	Đầu đọc thẻ chip và NFC chuyên dụng cho đọc CCCD Việt Nam	Cái	4	
49	Phần mềm đi kèm đầu đọc IDReader	PM	4	
50	UPS 3KVA	Cái	1	
51	UPS SANTAK OFFLINE TG1250PRO (600w)	chiếc	81	
52	Camera giám sát DS-2CD2643G2-IZS	Cái	12	
53	Đầu ghi hình 4 kênh	Cái	6	
54	HDD 6TB	Cái	6	
55	Nguồn camera 12V/2A	Cái	12	
56	Loa toàn dải đặt sàn Electrovoice, công suất 600W/2400W/ 4 Ohms, 02 bass 15" và 01 horn 1,5"	chiếc	4	
57	Loa toàn dải đặt sàn Electrovoice, công suất 400W/ 1600W/8 Ohms, 01 bass 15" và 01 horn 1,5"	chiếc	4	
58	Loa siêu trầm đặt sàn Electrovoice, công suất 400W/ 1600W/8 Ohms, 01 woofer 18"	chiếc	2	
59	PLENA POWER AMPLIFIER 360/240W, EVAC COMPLIANT (Âm ly công suất 360/240W)	chiếc	1	
60	24W COLUMN LOUDSPEAKER, BLACK (Loa cột 24W, màu đen)	Cái	8	
61	Power Amplifier 2x1400w/40hm, 2x700w/80hm	Chiếc	3	
62	Micro để bàn/ để bục độ nhạy cao loại tụ điện dài 18 inch	Chiếc	2	
63	Bàn trộn CMS 600-3	chiếc	1	
64	Bộ micro không dây cầm tay, dải tần UHF (560-596MHz)	Bộ	2	
64	Đèn PAR LED đánh ánh sáng mặt	Chiếc	16	

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
65	Đèn PAR LED nhuộm màu sân khấu	Chiếc	20	
66	Đèn Moving Beam tạo hiệu ứng sân khấu	Chiếc	4	
67	Bộ chi tín hiệu DMX	Chiếc	1	
68	Laptop dành cho điều khiển hệ thống ánh sáng + Kèm Card điều khiển và phần mềm	Bộ	1	
69	Móc treo đèn	Chiếc	24	
70	Pa lăng xích điện treo ngược	Bộ	2	
71	Bộ điều khiển 2 kênh	Bộ	2	
72	Truss tam giác 300x300 bắt ốc khúc 3m	Khúc	6	
73	Sào đèn dưới sân khấu lắp đặt đèn chiếu mặt COD 4x50W	Chiếc	2	
74	MÁY KIOSK G-KIOSK 175CNSP-L - Dùng lấy số + các thiết bị đi kèm	Cái	2	
75	Thiết bị đánh giá, hiển thị thông tin tại quầy	Cái	11	
76	Âm ly kèm trộn công suất 240W	Cái	1	
77	Loa hộp 30W	Cái	30	
78	Micro cổ ngỗng để bàn	Cái	1	
79	Android Box Tinker Điều khiển thông tin hiển thị điều tiết	Cái	3	
80	Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin GDTek QMS	License	1	
81	Máy đánh giá sự hài lòng	Cái	23	
82	Camera giám sát dome	Cái	13	
83	Camera giám sát thân ống	Cái	10	
84	Camera dome nhận diện khuôn mặt	Cái	8	
85	Camera thân ống 50m full color	Cái	7	
86	Switch hỗ trợ các loại	Cái	24	
87	Converter quang	Cái	5	
88	Tủ kỹ thuật 600x400	Cái	4	
89	Wifi ốp trần	Cái	19	
90	Bộ cân bằng tải	Bộ	2	
91	Thiết bị ký điện tử Sig200 ST-CE1075-2-UEVL	Cái	16	
92	Đầu đọc thẻ chip và NFC chuyên dụng cho đọc CCCD Việt Nam	Cái	4	
93	Phần mềm dùng cho đầu đọc IDReader (NFC+MRZ+Camera)	PM	4	
94	Dịch vụ xác thực thẻ Chip CCCD (Gói sử dụng 50.000 lượt) (Trả phí theo gói)	Gói	4	
95	Dịch vụ xác thực khuôn mặt) Gói sử dụng 10.000 lượt) (Trả phí theo gói)	Gói	4	
96	Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin GDTek QMS	License	1	

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
97	Power Amplifier 2x1400w/4Ohm , 2x700w/8Ohm	Chiếc	2	
98	Vang số	Chiếc	1	
99	Bộ quản lý nguồn	Chiếc	1	
100	Bộ micro không dây cầm tay (2 tay micro)	Chiếc	1	
101	Khung giá để loa có bánh xe	Chiếc	1	
102	Tủ âm thanh chuyên nghiệp 20U (có bánh xe lưu động)	Chiếc	1	
103	Đầu ghi hình 16 kênh	Cái	1	
104	Đầu thu camera 64 kênh	Cái	1	
105	HDD 6TB WD62PURZ: chuẩn giao tiếp SATA 3(6Gb/s max), tốc độ quay 5640 RPM, bộ đệm 256 MB Cache	Cái	1	
106	Ổ cứng lưu dữ liệu 10TB	Cái	4	
107	Tủ Rack các loại	Cái	14	
108	Màn hình tương tác thông minh	Cái	4	
109	Bảng trượt thông minh	Bộ	4	
110	Thiết bị âm thanh trợ giảng thông minh	Cái	4	
111	Amplify Mixer 240W	Cái	4	
112	2CH / Reciever 1EA & Hand Mic 1EA & Belt Mic 1EA (640-690MHz) (Bộ micro bao gồm 1 bộ thu và 1 tay mic + 1 cài ve áo)	Cái	4	
113	Đầu thu camera 32 kênh	Cái	1	
114	HDD 6TB WD62PURZ	Cái	1	
115	Bộ cân bằng tải	Bộ	1	
116	Giá đỡ di động có bánh xe	Cái	1	
117	Ốp vách phòng họp	m2	21,6	
118	Trần nhà	m2	29,64	
119	Chỉ trần	md	21	
120	Chỉ chân tường	md	21	
121	Amplify Mixer 240W (7 băng tần, USB, SD, Bluetooth)	Cái	1	
122	Bộ điều khiển trung tâm	Cái	1	
123	Micro chủ tọa cần dài	Cái	1	
124	Micro đại biểu cần dài	Cái	12	
125	Bộ chống phản hồi âm	Cái	1	
126	Tủ điều khiển nguồn chống quá áp sụt áp cho hệ thống màn ghép LIOA 7,5KVA (150v-250v), cầu dao 2 pha AC	Cái	1	
127	Các thiết bị khác phục vụ lắp đặt			

PHỤ BIỂU SỐ 2: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững”, dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
	Tổng cộng		27.017
I	Chi phí thiết bị (Gtb)	Gtb	23.427
1	Chi phí mua sắm thiết bị CNTT	G1	16.188,4
2	Chi phí xây dựng phần mềm	G2	7.239,0
	Chi phí xây dựng trang thông tin điện tử	Không bao gồm VAT	553,0
	Chi phí xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý lao động việc làm tỉnh Thanh Hóa	Không bao gồm VAT	6.686,0
II	Chi phí quản lý dự án (Gql)	$(G1*2,2\%/1,1+G2*2,789\%)*0,84$	442,0
III	Chi phí tư vấn đầu tư (Gtv)		1.140,0
1	Chi khảo sát	Theo QĐ số 247/QĐ-TTĐVVL ngày 10/7/2023	63,90
2	Lập BCNCKT dự án	$(G1*0,748\%+G2*0,989\%*1,1)$	199,87
3	Lập thiết kế, dự toán	$(G1*1,209\%+G2*3,369\%*1,1)$	464,0
4	Thẩm tra thiết kế	$(G1*0,062\%+G2*0,094\%*1,1)$	17,5
5	Thẩm tra dự toán	$(G1*0,051\%+G2*0,084\%*1,1)$	14,9
6	Tư vấn lựa chọn nhà thầu các gói thầu	$(G1*0,230\%+G2*0,403\%*1,1)$	69,3
7	Tư vấn giám sát lắp đặt thi công	$(G1*0,606\%+G2*2,059\%*1,1)$	262,1
8	Thẩm định hồ sơ mời thầu, KQĐT các gói thầu	$(G1*0,1\%+G2*0,1\%*1,1)*2$	48,3
IV	Chi phí khác (Gk)		721,0
1	Thẩm định giá thiết bị	Tạm tính	145,2
2	Thẩm định BCNCKT dự án	$TMĐT*0,161\%$	46,6
3	Thẩm định thiết kế, dự toán	Tạm tính	15,9
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$TMĐT*0,137\%*0,7/1,1$	25,3
5	Chi phí đánh giá an toàn thông tin	Theo dự toán	488,3
V	Chi phí dự phòng (5% cho khối lượng phát sinh)	$5\%*(I+II+III+IV+V)$	1.287,0